

Số: 7798 /SYT-KHTC

Đồng Nai, ngày 03 tháng 12 năm 2020

V/v đăng tải Dự thảo Quyết định Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của Sở Y tế và các cơ sở y tế thuộc ngành y tế tỉnh Đồng Nai quản lý.

Kính gửi: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư 07/2020/TT-BYT ngày 14/5/2020 của Bộ Y tế quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế;

Để có cơ sở tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định theo quy định, Sở Y tế đã dự thảo Quyết định Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của Sở Y tế và các cơ sở y tế thuộc ngành y tế tỉnh Đồng Nai quản lý (dự thảo đính kèm), đề nghị Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đăng tải dự thảo Quyết định nêu trên lên Cổng thông tin điện tử tỉnh Đồng Nai.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - BGĐ Sở Y tế;
 - Lưu: VT, KHTC.
- HT/2020.

GIÁM ĐỐC



Phan Huy Anh Vũ

Số: /2020/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của Sở Y tế và các cơ sở y tế thuộc ngành y tế tỉnh Đồng Nai quản lý

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư 07/2020/TT-BYT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ Y tế quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế;

Trên cơ sở Văn bản số .../HĐND-VP ngày ... tháng ... năm 2020 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ...;

Xét đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số .../TTr-SYT ngày ... tháng ... năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của Sở Y tế và các cơ sở y tế thuộc ngành y tế tỉnh Đồng Nai quản lý, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) của Sở Y tế và các cơ sở y tế thuộc ngành y tế tỉnh Đồng Nai quản lý.

2. Số lượng xe ô tô chuyên dùng tại Quyết định này là 121 chiếc (Chi tiết tại phụ lục kèm theo).

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ tiêu chuẩn, định mức để thực hiện trang bị xe ô tô chuyên dùng và quản lý, sử dụng theo đúng quy định; kịp thời

báo cáo Sở Y tế tham mưu UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh chủng loại, số lượng, mức giá khi có thay đổi cho phù hợp với thực tế, quy định có liên quan.

Sở Y tế phối hợp Sở Tài chính kiểm tra, giám sát việc mua sắm, quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các cơ sở y tế thuộc ngành y tế tỉnh Đồng Nai quản lý.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2021.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Giám đốc, thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ Y tế, Bộ Tài chính (báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- Sở Tư pháp;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS (...bộ)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

DỰ THẢO**PHỤ LỤC**

**Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của Sở Y tế
và các cơ sở y tế thuộc ngành y tế tỉnh Đồng Nai quản lý**
(Kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND ngày tháng năm 2020
của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Đối tượng sử dụng/ Chủng loại xe	Số lượng định mức tối đa	Đơn giá tối đa (đồng/xe)	Ghi chú
I	SỞ Y TẾ			
	Xe ô tô 07 chỗ ngồi	1	1.000.000.000	Phục vụ công tác thanh kiểm tra công tác chuyên môn đối với hệ thống y tế ngoài công lập; Thẩm định các cơ sở đủ điều kiện hoạt động khám chữa bệnh; Thẩm định các cơ sở kinh doanh thuốc đạt chuẩn GDP.
	Xe ô tô bán tải	1	922.147.000	Phục vụ công tác kiểm tra, giám sát phòng chống dịch; công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn;
II	CÁC CƠ SỞ Y TẾ THUỘC NGÀNH Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI QUẢN LÝ			
1	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm			
	Xe ô tô bán tải	1	922.147.000	Thực hiện xét nghiệm nhanh sản phẩm, thực phẩm phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, các chợ, siêu thị...
	Xe ô tô chuyên dùng xét nghiệm	1	5.500.000.000	Phối hợp kiểm nghiệm của đoàn kiểm tra liên ngành an toàn thực phẩm của tỉnh và các đơn vị thuộc Sở Y tế, Sở NN&PTNT, Sở Công thương, Công an tỉnh, UBND các huyện, TP, trung dựng phục vụ các đoàn kiểm tra liên ngành trung ương.
2	Chi cục Dân số - KHHGĐ			
	Không có định mức.			

STT	Đối tượng sử dụng/ Chủng loại xe	Số lượng định mức tối đa	Đơn giá tối đa (đồng/xe)	Ghi chú
3	Bệnh viện đa khoa Đồng Nai			
	Xe ô tô cứu thương	9	1.750.000.000	1000 giường bệnh
	Xe ô tô chuyên dùng có gắn thiết bị chụp X-Quang	1	8.149.204.361	
	Xe ô tô chuyên dùng loại 05 chỗ ngồi	1	807.400.000	Phục vụ cho công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cán bộ cấp trung
	Xe ô tô chuyên dùng loại 16 chỗ ngồi	1	1.113.840.000	Phục vụ cho công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cán bộ cấp trung
	Xe ô tô 29 chỗ ngồi	1	859.047.000	Phục vụ công tác khám sức khỏe cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, xí nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
4	Bệnh viện Nhi đồng			
	Xe ô tô cứu thương	7	1.750.000.000	740 giường bệnh
5	Bệnh viện ĐK Thống Nhất			
	Xe ô tô cứu thương	9	1.750.000.000	1000 giường bệnh
	Xe chụp X-quang lưu động	1	2.000.000.000	
	Xe ô tô 39 chỗ ngồi	1	1.772.785.050	Phục vụ công tác khám bệnh từ thiện và khám sức khỏe cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, xí nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
6	Bệnh viện ĐKKV Long Thành			
	Xe ô tô cứu thương	5	1.750.000.000	510 giường bệnh (trong đó 10 giường của PKĐKKV Long Phước)
7	Bệnh viện ĐKKV Định Quán			
	Xe ô tô cứu thương	6	1.750.000.000	520 giường bệnh (trong đó 10 giường của PKĐKKV Phúc Túc, 10 giường của PKĐKKV Thanh Sơn)

STT	Đối tượng sử dụng/ Chủng loại xe	Số lượng định mức tối đa	Đơn giá tối đa (đồng/xe)	Ghi chú
	Xe ô tô cứu thương có kết cấu đặc biệt	1	1.750.000.000	Cần trang bị 01 xe có kết cấu đặc biệt để vận chuyển bệnh nặng lên tuyến trên đảm bảo an toàn.
8	Bệnh viện ĐKKV Long Khánh			
	Xe ô tô cứu thương	9	1.750.000.000	1000 giường bệnh
9	Bệnh viện Phổi Đồng Nai			
	Xe ô tô cứu thương	4	1.750.000.000	240 giường bệnh
	Xe chụp X-quang kỹ thuật số lưu động	1	2.550.000.000	Phục vụ công tác chụp X-quang phát hiện bệnh lao tại cộng đồng (tại giam Z30A, cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh, 6 huyện, TP trong tỉnh Đồng Nai: Long Thành, Xuân Lộc, Định Quán, Tân Phú, Vĩnh Cửu, Biên Hòa)
10	Bệnh viện Da liễu			
	Xe ô tô cứu thương	2	1.750.000.000	80 giường bệnh
11	Bệnh viện Y dược cổ truyền			
	Xe ô tô cứu thương	3	1.750.000.000	180 giường bệnh
12	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật			
	Xe ô tô cứu thương	1	1.750.000.000	Nhu cầu thực tế gắn với nhiệm vụ được giao, cụ thể: - Vận chuyển người nghi mắc các bệnh truyền nhiễm từ người sang người từ cộng đồng vào khu cách ly y tế, và từ các khu cách ly y tế với nhau. - Tập huấn thực hành sơ cấp cứu trên xe cứu thương cho các cơ quan, công ty, xí nghiệp.

STT	Đối tượng sử dụng/ Chủng loại xe	Số lượng định mức tối đa	Đơn giá tối đa (đồng/xe)	Ghi chú
	Xe ô tô 29 chỗ ngồi	1	1.280.000.000	- Chở trang thiết bị (máy siêu âm, máy X quang, thính lực, chức năng hô hấp,...) và nhân viên y tế phục vụ công tác khám bệnh nghề nghiệp tại các cơ quan, công ty, xí nghiệp. - Giám sát, hướng dẫn công tác vệ sinh lao động, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống dịch bệnh tại các nhà máy, xí nghiệp, các khu công nghiệp
	Xe ô tô bán tải	1	922.147.000	Phục vụ công tác phòng chống dịch
	Xe ô tô bán tải	1	922.147.000	Phục vụ công tác truyền thông
	Xe ô tô bán tải	1	922.147.000	Phục vụ công tác Sức khỏe Môi trường - Y tế trường học
	Xe ô tô bán tải	1	922.147.000	Phục vụ công tác Kiểm dịch y tế quốc tế tại các cảng
	Xe ô tô bán tải	1	922.147.000	Phục vụ công tác Sức khỏe sinh sản, dinh dưỡng
	Xe ô tô bán tải	1	922.147.000	Phục vụ công tác phòng chống bệnh không lây nhiễm
	Xe ô tô bán tải	1	922.147.000	Phục vụ công tác phòng chống ký sinh trùng – côn trùng, xét nghiệm.
	Xe ô tô tải	1	299.000.000	Dùng chở máy phun lớn, phun hóa chất, trang phục bảo hộ phun xử lý các ổ dịch SXH, TCM, Cúm, Sởi, Covid... trên địa bàn toàn tỉnh (810kg)
13	Trung tâm Kiểm nghiệm			
	Xe ô tô vận chuyển mẫu thuốc, thực phẩm phục vụ công tác lấy mẫu	1	1.500.000.000	Phục vụ công tác lấy mẫu kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
14	Trung tâm Pháp y			
	Xe vận chuyển tử thi	1	850.000.000	Phục vụ vận chuyển tử thi tại hiện trường về trung tâm để khám nghiệm.

STT	Đối tượng sử dụng/ Chủng loại xe	Số lượng định mức tối đa	Đơn giá tối đa (đồng/xe)	Ghi chú
	Xe ô tô giám định pháp y	1	1.380.000.000	Phục vụ công tác giám định pháp y chở tổ giám định, dụng cụ hỗ trợ (dụng cụ phẫu thuật, đồ bảo hộ, máy phát điện, máy cưa cầm tay...)
15	Trung tâm Giám định Y khoa			
	Không có định mức.			
16	Trung tâm Y tế TP Biên Hòa			
	Xe ô tô cứu thương	3	1.750.000.000	150 giường bệnh
	Xe ô tô bán tải	1	922.147.000	Phục vụ công tác phòng chống dịch
17	Trung tâm y tế Huyện Long Thành			
	Xe ô tô bán tải	1	922.147.000	Phục vụ công tác phòng chống dịch
18	Trung tâm Y tế huyện Nhơn Trạch			
	Xe ô tô cứu thương	4	1.750.000.000	200 giường bệnh (Trung tâm có chủ trương xây mới với quy mô 300 giường bệnh)
	Xe ô tô bán tải	1	922.147.000	Phục vụ công tác phòng chống dịch
19	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Cửu			
	Xe ô tô cứu thương	4	1.750.000.000	280 giường bệnh (Cơ sở I: 180 giường, Cơ sở II: 100 giường)
	Xe ô tô cứu thương	1	1.750.000.000	PKĐK KV Phú Lý 20 giường bệnh (nâng cấp thành cơ sở III, 50 giường bệnh)
	Xe ô tô bán tải	1	922.147.000	Phục vụ công tác phòng chống dịch
20	Trung tâm Y tế huyện Trảng Bom			
	Xe ô tô cứu thương	4	1.750.000.000	300 giường bệnh
	Xe ô tô bán tải	1	922.147.000	Phục vụ công tác phòng chống dịch

STT	Đối tượng sử dụng/ Chủng loại xe	Số lượng định mức tối đa	Đơn giá tối đa (đồng/xe)	Ghi chú
21	Trung tâm Y tế huyện Thống Nhất			
	Xe ô tô cứu thương	3	1.750.000.000	155 giường bệnh
	Xe ô tô bán tải	1	922.147.000	Phục vụ công tác phòng chống dịch
22	Trung tâm Y tế TP Long Khánh			
	Xe ô tô bán tải	1	922.147.000	Phục vụ công tác phòng chống dịch
23	Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc			
	Xe ô tô cứu thương	4	1.750.000.000	300 giường bệnh (trong đó 280 giường bệnh của trung tâm, 20 giường bệnh của PKĐKKV Xuân Hưng)
	Xe ô tô bán tải	1	922.147.000	Phục vụ công tác phòng chống dịch
24	Trung tâm Y tế huyện Tân Phú			
	Xe ô tô cứu thương	3	1.750.000.000	190 giường bệnh (trong đó 170 giường của trung tâm, 20 giường của PKĐKKV Phú Lập)
	Xe ô tô bán tải	1	922.147.000	Phục vụ công tác phòng chống dịch
25	Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ			
	Xe ô tô cứu thương	4	1.750.000.000	220 giường bệnh (Có chủ trương mở rộng cơ sở, tăng thêm 50 giường bệnh khoa Nhi).
	Xe ô tô cứu thương	1	1.750.000.000	PKĐK KV Sông Ray 20 giường bệnh (Có chủ trương nâng cấp thành cơ sở II, 50 giường bệnh)
	Xe ô tô bán tải	1	922.147.000	Phục vụ công tác phòng chống dịch
26	Trung tâm Y tế huyện Định Quán			
	Xe ô tô bán tải	1	922.147.000	Phục vụ công tác phòng chống dịch
	TỔNG CỘNG	121		